

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trung Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Sỹ Phác

2. Ông Nguyễn Duy Chấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXX-DSST ngày 30/3/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Địa chỉ: số A đường P, phường B, quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Thu H – Giám đốc Trung tâm quản lý nợ KHCN, khối quản trị rủi ro.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H (*Có mặt*) – Cán bộ, Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị Kim P (*Vắng mặt*), sinh năm 1994

2. Anh Phạm Cao C (*Vắng mặt*), sinh năm 1995
 3. Anh Phạm Quốc T (*Vắng mặt*), sinh năm 2001
- Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 26/02/2019, ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Q vay số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 13 tháng, giải ngân một lần, lãi suất được tính là 10.7%/năm tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh ba tháng một lần cộng biên độ 2.3%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Bên vay trả nợ gốc thành hai kỳ, kỳ đầu trả 100.000.000 đồng tiền gốc, kỳ sau trả hết số gốc còn lại là 150.000.000 đồng. Trả lãi hàng quý vào ngày 27, kỳ đầu tiên là ngày 27/5/2019.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông P và bà C đã ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản cho Ngân hàng Q gồm 02 tài sản: thửa đất số A, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CE 456874 cấp ngày 20/01/2017, đứng tên ông Phạm Văn P; thửa đất số B, tờ bản đồ số 38, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số U 171176, cấp ngày 20/12/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn P.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông P và bà C toàn bộ số tiền đã vay. Trong thời gian vay, ông P và bà C đã liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi; do đó Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ khoản vay của bị đơn và yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 29/4/2021 là 307.877.312 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: nợ gốc là 249.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 6.519.329 đồng (Sáu triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 51.437.983 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng).

Trường hợp ông P và bà C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ gồm các tài sản: thửa đất số A, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CE 456874 cấp ngày 20/01/2017, đứng tên ông Phạm Văn P; thửa đất số B, tờ bản đồ số 38, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và

các tài sản khác gắn liền với đất số U 171176, cấp ngày 20/12/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn P.

- Theo lời trình bày của bị đơn ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 26/02/2019, ông bà có ký kết với Ngân hàng thương mại Q đề vay số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) thời hạn vay 13 tháng, giải ngân một lần, lãi suất được tính là 10.7%/năm tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh ba tháng một lần cộng biên độ 2.3%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Đến ngày 27/02/2020, ông bà đến hạn phải thanh toán số tiền gốc 100.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán cho Ngân hàng, đến ngày 27/3/2020 ông bà đến hạn toàn bộ khoản vay, nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng xin được trả dần do hiện tại ông bà không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Khi vay ông bà có thể chấp cho Ngân hàng VIB 02 tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gồm: thửa đất số A, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CE 456874 cấp ngày 20/01/2017, đứng tên ông Phạm Văn P; thửa đất B, tờ bản đồ số 38 địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số U 171176, cấp ngày 20/12/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn P.

Trong trường hợp ông bà không trả hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì ông bà đồng ý giao cho Ngân hàng toàn bộ tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thu hồi nợ.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Kim P, sinh năm 1994; Anh Phạm Cao C, sinh năm 1995 và anh Phạm Quốc T, sinh năm 2001 trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đ đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án cho ông P và bà C và yêu cầu ông bà có trách nhiệm giao lại cho chị P, anh C và anh T, yêu cầu các đương sự phải có mặt tại Tòa án để làm việc, nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt mà không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (Ngân hàng) yêu cầu:

Ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử ngày 29/4/2021 là 307.877.312 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: nợ gốc

249.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 6.519.329 đồng (Sáu triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 51.437.983 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) và phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên và các chi phí tổ tụng theo quy định.

Trường hợp ông P và bà C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ gồm: thửa đất số A, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CE 456874 cấp ngày 20/01/2017, đứng tên ông Phạm Văn P; thửa đất số B, tờ bản đồ số 38 địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số U 171176, cấp ngày 20/12/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 307.877.312 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: nợ gốc 249.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 6.519.329 đồng (Sáu triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 51.437.983 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng).

Trường hợp ông P và bà C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: thửa đất số A, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CE 456874 cấp ngày 20/01/2017, đứng tên ông Phạm Văn P; thửa đất số B, tờ bản đồ số 38 địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và

các tài sản khác gắn liền với đất số U 171176, cấp ngày 20/12/2001 đứng tên hộ ông Phạm Văn P.

Về án phí dân sự: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với sự vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Phạm Thị Kim P, sinh năm 1994; anh Phạm Cao C, sinh năm 1995; anh Phạm Quốc T, sinh năm 2001) Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành triệu tập hợp lệ, nhưng các đương sự đều vắng mặt, các đương sự đã vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 0251.HDDTD.424.19 ngày 26/02/2019 cho vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 13 tháng, giải ngân một lần, lãi suất được tính là 10.7%/năm tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh ba tháng một lần cộng biên độ 2.3%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Bên vay trả nợ gốc thành hai kỳ, kỳ đầu trả 100.000.000 đồng tiền gốc, kỳ sau trả hết số gốc còn lại là 150.000.000 đồng. Trả lãi hàng quý vào ngày 27, kỳ đầu tiên là ngày 27/5/2019, đến hạn ông P và bà C chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc theo thỏa thuận, mới thanh toán được số tiền 20.688.753 đồng, trong đó 80.000 đồng nợ gốc và 20.608.753 đồng tiền lãi, nay nguyên đơn yêu cầu ông P và bà C thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 29/4/2021 là 307.877.312 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: nợ gốc 249.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 6.519.329 đồng (Sáu triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 51.437.983 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng), lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ

theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên và các chi phí tổ tụng theo quy định.

Ông P và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 1 về thời hạn vay của Hợp đồng tín dụng được lập giữa hai bên, vì vậy các khoản nợ của ông P và bà C đã bị chuyển thành nợ quá hạn và thu hồi trước hạn từ ngày 27/02/2020 theo Điều 4 của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc chưa thanh toán và khoản tiền lãi phát sinh là có căn cứ nên cần chấp nhận. Do đó cần buộc ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2021) tổng số tiền là 307.877.312 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: nợ gốc 249.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 6.519.329 đồng (Sáu triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 51.437.983 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) và khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên và các chi phí tổ tụng khác theo quy định.

Xét hợp đồng ủy quyền, hợp đồng thế chấp, văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật nên có giá trị để đảm bảo thanh toán cho số tiền nợ của bị đơn theo hợp đồng tín dụng số 0251.HDDTD.424.19 ngày 26/02/2019. Ông P và bà C, ông T, ông C và bà P thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi bên vay, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các cam kết tín dụng đã ký với bên Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 317, Điều 323 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 10 của Hợp đồng thế chấp thì các bên đã phát sinh căn cứ thực hiện nghĩa vụ để xử lý tài sản thế chấp. Do đó trường hợp ông P và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0149.HDDTC.424.17 ngày 01/3/2017 đối với các tài sản: thửa đất số A, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CE 456874 cấp ngày 20/01/2017, đứng tên ông Phạm Văn P; thửa đất số B, tờ bản đồ số 38 địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số U 171176, cấp ngày 20/12/2001

đứng tên hộ ông Phạm Văn P để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí dân sự: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn ($307.877.312 \text{ đồng} \times 5\% = 15.394.000 \text{ đồng}$) và cần trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự (6.907.000 đồng) mà nguyên đơn đã nộp.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số nợ tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2021) là 307.877.312 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm mười hai đồng), trong đó: nợ gốc 249.920.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 6.519.329 đồng (Sáu triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 51.437.983 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày 30/4/2021, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm: thửa đất số A, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CE 456874, cấp ngày 20/01/2017, đứng tên ông Phạm Văn P; thửa đất số B, tờ bản đồ số 38 địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số U 171176, cấp ngày 20/12/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn P

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C phải nộp số tiền 15.394.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 6.907.000 đồng (Sáu triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0003551 ngày 29/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

4. Về chi phí tố tụng: ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị C phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng